

Số: 20/2020/QĐST-HNGĐ

Cẩm Khê, ngày 22 tháng 01 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 34/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2020, giữa:

- *Nguyên đơn*: Nguyễn Văn T (tên gọi khác Nguyễn Văn D) - sinh năm 1977

Địa chỉ: Thôn 1, xã C, huyện T, Thành phố Hà Nội

- *Bị đơn*: Nguyễn Thị H - sinh năm 1982

Địa chỉ: Khu 9 xóm T, xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Điều 26 Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 01 năm 2020.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 01 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị H.

**2.** Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

*2.1. Về con chung:*

Anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thúy H - sinh ngày 23/8/2004. Chị Nguyễn Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì anh T không yêu cầu. Anh T cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

2.2. *Về tài sản chung, công sức và quyền, nghĩa vụ chung về tài sản:* Hai bên trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. *Về án phí:* Anh Nguyễn Văn T xin chịu cả 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003508 ngày 15/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê. Anh T được hoàn trả lại số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện;
- Thi hành án DS;
- UBND xã H;
- Lưu HS;
- Lưu VP.

**THẨM PHÁN**

**Lương Ngọc Dũng**